

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT ĐẮKLẮK
CHI CỤC TRỒNG TRỌT VÀ
BẢO VỆ THỰC VẬT

Số: /BCT - BVTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH
SINH VẬT GÂY HẠI CÂY TRỒNG THÁNG 04
(Từ ngày 16 tháng 03 đến ngày 15 tháng 04 năm 2022)

Kính gửi : - Cục Bảo vệ thực vật
- Trung Tâm Bảo vệ thực vật Miền Trung

I. TÌNH HÌNH THỜI TIẾT VÀ SINH TRƯỞNG CÂY TRỒNG

1. Thời tiết trong tỉnh:

- Nhiệt độ: Trung bình: 27-29⁰C; Thấp nhất: 24-26⁰C; Cao nhất: 32-34⁰C.-
Nhận xét khác: Thời tiết phổ biến mây thay đổi đến nhiều mây, ngày nắng, nóng gián đoạn, phổ biến không mưa. Gió đông bắc cấp 2-3.

- So với TBNN: Lượng mưa xấp xỉ và thấp hơn; nhiệt độ đạt xấp xỉ và cao hơn.

2. Tiến độ gieo trồng vụ Đông xuân 2021-2022

Cây trồng hàng năm	Giai đoạn sinh trưởng	Diện tích thực hiện (ha)
Lúa nước	Trổ - chín - thu hoạch	44.854/39.000
Ngô	Trổ cờ phun râu- Thu hoạch rải rác	3.407/2.860
Khoai lang	PTTL, hình thành củ- thu hoạch rải rác	2.801/2.050
Đậu các loại	Ra hoa đậu quả- thu hoạch rải rác	1.234/1.150
Rau các loại	Các giai đoạn	4.277/3.760
Thuộc lá	Phát triển thân lá- Thu hoạch rải rác	833/680
Sắn	Phát triển thân lá	1.834/2.300
Mía	PTTL	1.015/1.000
Cây hàng năm khác	Các giai đoạn	3.468/2.340
Cây trồng lâu năm		
Cây cà phê	Quả non- đầu đỉnh	213.336
Cây tiêu	Chín, thu hoạch	32.840
Cây cao su	Các giai đoạn sinh trưởng	34.333
Cây điều	Quả non – chín rải rác	27.702
Ca cao	Các giai đoạn sinh trưởng	1.140
Cây ăn quả các loại	Các giai đoạn sinh trưởng	42.957
Cây trồng khác	Các giai đoạn sinh trưởng	2.006

3. Tiến độ thu hoạch vụ Đông xuân 2021-2022

Theo báo cáo của Phòng Nông nghiệp các huyện, Phòng Kinh tế thị xã, thành phố đến nay vụ Đông xuân thu hoạch được với tổng diện tích 9.301 ha/63.723 ha diện tích thực hiện, đạt 14,60%. Trong đó, lúa nước 2.795 ha/44.854 ha diện tích thực hiện, đạt 6,23 %; ngô 447 ha/3.407 ha diện tích thực hiện, đạt 13,12 %; khoai lang 309 ha/2.801 ha diện tích thực hiện, đạt 11,03%; rau các loại 2.682 ha/4.277 ha diện tích thực hiện, đạt 62,71%; đậu các loại 650 ha/ 1.234 ha diện tích thực hiện, đạt 52,67%; thuốc lá 150 ha/833 ha diện tích thực hiện, đạt 18,01%; cây hàng năm khác 2.268 ha/3.468 ha diện tích thực hiện, đạt 65,40 % (dưa hấu 502 ha, củ 714 ha, cây khác 1.052 ha).

II. TÌNH HÌNH SÂU BỆNH THÁNG 04 NĂM 2022:

* Nhóm cây ăn quả:

1. Trên cây sầu riêng: Rầy bông (rầy phần, tua trắng) TLH 2-30%, DTN 37,5 ha (Ea Kar, Krông Búk, Krông Pắc, Tx. Buôn Hồ) tương đương so với kỳ trước; Rầy nhảy TLH 4-15% DTN 04ha (Krông Năng); Bệnh đốm rong, táo TLH 3-35% DTN 20 ha (Ea Kar, Krông Pắc, TX Buôn Hồ) tăng 01ha so với kỳ trước; Bệnh thán thư TLH 4-25% DTN 06 ha (Krông Pắc) tăng 01 ha so với kỳ trước; Bệnh cháy lá, cháy đọt TLH 3-15% DTN 02ha (Kr. Năng); Một đục cành, bệnh héo chết nhanh do nấm *Phytophthora*, bệnh chảy gôm....gây hại rải rác.

2. Trên cây có múi (cam quýt): Sâu vẽ bùa TLH 20-25% DTN 25 ha (Ea Kar); Bệnh Greening TLH 15-45% DTN 08 ha (Ea Kar) tăng 02 ha so với kỳ trước; Bệnh vàng lá thối rễ TLH 10-35% DTN 08 ha (Ea Kar) tăng 03 ha so với kỳ trước; Ruồi đục trái, sâu tiện vỏ, dòi đục lá, sâu đục thân, thán thư, bệnh vàng lá gân xanh gây hại rải rác.

3. Trên cây vải: Rệp sáp TLH 8-25% DTN 12 ha (Ea Kar) tăng 05ha so với kỳ trước; Bọ trĩ TLH 1-25% DTN 05 ha (Ea Kar) giảm 02ha so với kỳ trước; Sâu đục gân lá TLH 8-25% DTN 06 ha (Ea Kar) tương đương so với kỳ trước; Ruồi đục quả TLH 10-20% DTN 09 ha (Ea Kar); Bệnh thán thư TLH 8-30% DTN 10ha (EaKar) tăng 02ha so với kỳ trước. Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

4. Trên cây Bơ: Sâu ăn lá TLH 3-15% DTN 15 ha (Kr. Năng, Tx.Buôn Hồ) tăng 05 ha so với kỳ trước; Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

* Nhóm cây CN lâu năm:

5. Trên cây ca cao: Bọ xít muỗi TLH 15-35% DTN 12 ha (Ea Kar) giảm 05 ha so với kỳ trước; Rệp muội (rầy mềm) TLH 10-30% DTN 14 ha (Ea Kar) giảm 01ha so với kỳ trước; Bệnh khô vỏ thân TLH 8-25% DTN 08 ha (Ea Kar) tăng 02ha so với kỳ trước; Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

6. Trên cây cà phê: Bệnh gỉ sắt TLH 3-35% DTN 36 ha (Krông Búk, Krông Pắc, Ea Kar, TX Buôn Hồ) giảm 11ha so với kỳ trước; Bệnh khô cành TLH 2-25% DTN 32 ha (TX Buôn Hồ, Cư Kuin); Bệnh nấm hồng TLH 2-6% DTN 04 ha (TX Buôn Hồ, Cư Kuin) tương đương so với kỳ trước; Rệp sáp TLH 3-35% DTN 58 ha (TX Buôn Hồ, Krông Búk, Cư Kuin, Krông Năng, Krông Pak, Eakar) tăng 03ha so với kỳ trước; Rệp

vảy (xanh, nâu) TLH 3-30% DTN 28 ha (Ea Kar, Krông Pắc, Kr. Năng, TX Buôn Hồ) giảm 03ha so với kỳ trước; Một đục cành TLH 1-25% DTN 18 ha (TX Buôn Hồ, Ea Kar) giảm 09 ha so với kỳ trước; Bộ cánh cứng ăn lá cà phê TLH 3-10% DTN 03 ha (Krông Năng); Sâu đục thân mình hồng TLH 2-5% DTN 02ha (Krông Năng). Các loại sâu, bệnh hại khác gây hại không đáng kể.

7. Trên cây điều: Bệnh thán thư TLH 3-30%, DTN 25 ha (Krông Búk, Ea Kar, Ea Súp) giảm 20ha so với kỳ trước; Bộ xít muỗi TLH: 2-25%, DTN 31 ha (Krông Búk, Ea Kar; Cư Kuin) tăng 01 ha so với kỳ trước; Sâu đục thân, cành TLH 7-20%, DTN 10 ha (Ea Kar; Krông Pắc) tăng 03 ha so với kỳ trước; Một số sâu bệnh khác gây hại rải rác không đáng kể.

8. Trên cây hồ tiêu: Bệnh vàng lá chết chậm TLH 3-20%, DTN 94 ha (Buôn Đôn, Krông Búk, Ea Kar, TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Cư Kuin, Cư Kuin) tăng 16ha so với kỳ trước; Bệnh chết nhanh TLH 1-25%, DTN 53,3 ha (Cư M'gar, Buôn Đôn, Tx. Buôn Hồ, Krông Pắc, Ea Kar) tăng 3,5 ha so với kỳ trước; Bệnh đốm tảo TLH 15-35%, DTN 21 ha (Ea Kar) tương đương so với kỳ trước; Bệnh thán thư 4-17%, DTN 06 ha (Krông Pắc, Cư Kuin); Tuyến trùng TLH: 6-15%, DTN 09 ha (TX Buôn Hồ) tăng 09ha so với kỳ trước; Rệp sáp gốc 5-7%, DTN 01 ha (Cư Kuin) giảm 06 ha so với kỳ trước; Rệp sáp hại quả TLH 5-7% DTN 01ha (Cư Kuin); Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

*** Nhóm cây CN ngắn ngày:**

9. Trên cây sắn (mì): Khảm lá do virus gây hại TLH 5-90%, DTN 53 ha (Ea Súp, Ea Kar) tăng 02 ha so với kỳ trước; Bộ phận TLH 8-30% DTN 15 ha (Ea Kar) tăng 03 ha so với kỳ trước; Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

10. Cây mía: Bệnh bông xơ trắng TLH 10-25% DTN 24 ha (Ea Kar) tăng 09 ha so với kỳ trước; Sâu đục thân TLH 7-18% DTN 14 ha (Ea Kar) tăng 03 ha so với kỳ trước; Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

*** Nhóm cây lương thực:**

11. Trên cây lúa: Bệnh đốm sọc vi khuẩn (vàng lá, đỏ lá) TLH 8-35% DTN 27 ha (Tx. Buôn Hồ, Ea Kar) giảm 03 ha so với kỳ trước; Bệnh bạc lá TLH 3-30% DTN 27 ha (Tx. Buôn Hồ, Ea Kar); Bệnh đạo ôn lá TLH 2-35% DTN 23,5 ha (Lắk, Tx. Buôn Hồ, Ea Kar, Cư Kuin); Bệnh khô vằn TLH 5-20% DTN 10ha (Tp. BMT, EaSup) Bệnh đạo ôn cổ bông TLH 3-20% DTN 3,5ha (Lắk, EaSup); Tuyến trùng khô đầu lá TLH 10-15% DTN 02 ha (Cư Kuin).

Rầy nâu MĐ 1.200 – 5.000 con/m² DTN 24 ha (Ea Kar, EaSup) tăng 05 ha so với kỳ trước; Sâu đục thân (dảnh héo) TLH 2-17% DTN 13ha (Ea Kar, Cư Kuin) tăng 01ha so với kỳ trước; Sâu cuốn lá nhỏ TLH 3-24% DTN 12 ha (TX Buôn Hồ, Krông Pắc) tương đương so với kỳ trước; Nhện gié TLH 5-10%, DTN 03ha (Cư Kuin); Bộ xít dài (hôi) TLH 5-6% DTN 02ha (EaSup); Các loại sâu, bệnh khác gây hại không đáng kể.

*** Nhóm cây rau màu:**

12. Hành tỏi: Bệnh thối nhũn TLH 5-7% DTN 02 ha (Cư Kuin); Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

13. Ớt: Bệnh khảm lá virus TLH 7-15% DTN 05 ha (Ea Kar); Bệnh thán thư TLH 8-25% DTN 4,6 ha (Ea Kar); Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

14. Rau cải ăn lá: Sâu tơ TLH 2-35% DTN 6,3 ha (Ea Kar, Tx. Buôn Hồ); Sâu xanh bướm trắng TLH 6-15% DTN 04 ha (EaKar); Bọ nhảy TLH 4-6% DTN 0,5 ha (Tx. Buôn Hồ); Bọ trĩ TLH 7-10% DTN 02ha (CuKuin). Một số sâu, bệnh khác gây hại rải rác.

15. Rau bắp cải: Sâu khoang MĐ: 5-6 con/m², DTN 02ha (CuKuin). Bệnh thối nhũn TLH 3-5% DTN 01ha (CuKuin).

III. DỰ BÁO TÌNH HÌNH SÂU BỆNH THÁNG 05 NĂM 2022:

1. Trên Lúa Đông xuân: Bệnh đốm sọc vi khuẩn, bệnh đạo ôn cổ bông, nghệt rễ bạc lá, rầy nâu, sâu đục thân, bọ xít dài... gây hại trên lúa Đông xuân muộn giai đoạn trổ - chín - thu hoạch và các loại sâu bệnh hại khác gây hại rải rác.

2. Trên cây cà phê: Rệp sáp hại cành, rệp vảy nâu, vảy xanh, mọt đục cành Bệnh gỉ sắt, bệnh khô cành, khô quả gây hại rải rác trên cây cà phê giai đoạn quả non - đầu đỉnh.

3. Trên cây tiêu: Bệnh chết nhanh, chết chậm, tuyến trùng rễ, rệp sáp gốc, cành...gây hại chủ yếu giai đoạn thu hoạch.

4. Trên rau các loại: Chú ý các loài sâu, bệnh hại sẽ có xu hướng phát sinh phát triển mạnh như bọ nhảy, sâu tơ, sâu xanh, sâu khoang, rệp muội, rầy mềm và bệnh thối nhũn, thán thư, đốm lá... Ngoài ra các đối tượng sinh vật gây hại khác như dòi đục hành, rệp, bệnh đốm lá ... tiếp tục phát sinh gây mức độ hại nhẹ.

5. Trên ngô, đậu: Sâu ăn lá, sâu keo mùa thu, sâu xanh, sâu khoang, bệnh đốm lá, bệnh rỉ sắt, bệnh lở cổ rễ, thối rễ, sâu đục thân, sâu đục quả gây hại rải rác.

6. Trên cây sắn: Bệnh khảm lá virus tiếp tục gây hại, bọ phấn, rệp sáp bột hồng, nhện đỏ gây hại cục bộ, bệnh chổi rồng, bệnh đốm lá, cháy lá vi khuẩn...gây hại rải rác trên cây sắn giai đoạn phát triển thân lá.

7. Trên cây điều: Bọ xít muỗi, rệp sáp, sâu đục thân, cành, sâu cuốn lá, sâu đục nõn, bệnh thán thư tiếp tục phát sinh gây hại mạnh trong điều kiện thời tiết thuận lợi thời gian tới, hại nặng cục bộ, vườn chăm sóc kém.

8. Trên ca cao: Bọ xít muỗi, rệp sáp, sâu đục thân, bệnh thối quả, khô ngược cành, câu câu ăn lá, bộ gặm nhấm gây hại rải rác.

9. Trên cây mía: Bệnh chồi cỏ tiếp tục phát sinh gây hại, đặc biệt tại những ruộng chưa được tiêu hủy hoặc tiêu hủy chưa triệt để, mía trồng mới không sạch bệnh, Sâu đục thân, sùng đục gốc, bệnh đốm lá, bệnh bạc trắng lá phát sinh gây hại rải rác.

10. Trên cây cao su: Bệnh xì mủ thân cành, bệnh loét sọc miệng cạo, bệnh nấm hồng phát sinh gây hại rải rác.

11. Cây sầu riêng, Bơ, Thăng long: Bệnh nứt thân xì mủ, bệnh héo chết nhanh do *Phytophthora* trên cây sầu riêng, bệnh đốm nâu thanh long,... phát sinh gây hại tăng do điều kiện thời tiết mưa nhiều và ẩm độ cao.

12. Cây nhãn, vải: Bệnh chổi rồng nhãn, bọ xít nâu, sâu đo, bệnh thán thư, bệnh sương mai hại tăng; sâu đục quả tiếp tục hại.

13. Cây ăn quả có múi: Sâu đục quả.... tiếp tục phát sinh và gây hại tăng, đặc biệt là trên các vườn chăm sóc kém; bệnh chảy gôm, bệnh vàng lá thối rễ, bệnh greening,... tiếp tục phát sinh và gây hại tại các vùng chuyên canh, chăm sóc kém.

14. Cây rừng trồng: Sâu đục thân, mối, bệnh đốm lá, chết héo, thán thư và các đối tượng sâu, bệnh hại khác gây hại rải rác.

IV. ĐỀ NGHỊ BIỆN PHÁP XỬ LÝ VÀ CÁC CÔNG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN Ở ĐỊA PHƯƠNG TRONG THÁNG TỚI:

Các trạm Trồng trọt và BVTV Theo dõi chặt chẽ tình hình sinh vật gây hại và hướng dẫn phòng chống kịp thời, hiệu quả các đối tượng sinh vật gây hại chính trên lúa, rau màu, cây công nghiệp.

Chú ý các điều tra, báo cáo các đối tượng SVGH trên cây ăn quả như cây sầu riêng, cây chuối, cây chanh dây, cây nhãn, vải, xây dựng tuyến điều tra, tại các vùng đã, đang được cấp mã vùng trồng tại địa phương...

*** Trên lúa:**

- Hướng dẫn nông dân thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, nắm bắt tình hình phát hiện sớm bệnh đốm sọc vi khuẩn, , nghệt rễ, đạo ôn cổ bông, rầy nâu, sâu đục thân, bọ xít dài... gây hại trên lúa Đông Xuân 2021-2022 giai đoạn trổ- chín sữa- chín để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 9864/CT-BNN-BVTV ngày 19/12/2018 của Bộ NN&PTNT về việc tăng cường công tác phòng, chống chuột bảo vệ sản xuất.

*** Cây ngô:** Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 4962/BNN-BVTV ngày 15/7/2019 của Bộ trưởng về tăng cường chỉ đạo phòng chống sâu keo mùa thu hại ngô, giám sát phòng chống hiện tượng lùn xoắn lá ngô; Theo dõi chặt chẽ diễn biến của sâu keo mùa thu hại ngô. Tổ chức phun trừ cho những nơi có mật độ sâu cao, hướng dẫn nông dân chủ động phòng trừ sâu bằng các biện pháp ngắt ổ trứng đem tiêu hủy và phun các loại thuốc đúng nồng độ và liều lượng theo khuyến cáo, phun kép 2-3 lần, mỗi lần cách nhau từ 7-10 ngày.

*** Trên cà phê:** Tăng cường kiểm tra theo dõi sát diễn biến của rệp sáp hại cành và các đối tượng sâu, bệnh hại khác (rỉ sắt, nấm hồng, thối nứt thân, tuyến trùng, mọt đục cành, mọt đục quả...).

*** Trên cây tiêu:** Kiểm tra diễn biến và hướng dẫn người dân phòng chống bệnh chết nhanh, vàng lá chết chậm, tuyến trùng gây hại rễ...

*** Trên cây sắn:** Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị số 5957/CT-BNN-BVTV ngày 06/8/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tăng cường công tác phòng chống bệnh khảm lá virus hại sắn, hướng dẫn xử lý triệt để phun trừ môi giới truyền bệnh, tiến hành nhổ bỏ và tiêu hủy những diện tích sắn bị nhiễm bệnh khảm lá sắn do virus, không sử dụng cây bị bệnh làm giống,

*** Trên cây sầu riêng:** Tăng cường hướng dẫn nông dân trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương áp dụng quy trình kỹ thuật trồng chăm sóc vườn cây, quy trình quản lý bệnh *Phytophthora* hại trên cây sầu riêng.

***Trên ca cao, điều, cao su:** Tiếp tục theo dõi các đối tượng như bệnh nấm hồng, loét sọc miệng cạo trên cây cao su, bộ xít muối, bệnh thán thư hại điều.

*** Đối với rừng trồng:** Hướng dẫn các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại cây rừng trồng cho các chủ rừng theo công văn hướng dẫn số 649/SNN-TTBVTV ngày 31/03/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành.

*** Trên cây rau:** Ứng dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp IPM vào phòng trừ và sản xuất rau theo quy trình an toàn, chương trình VietGap, sản xuất rau hữu cơ.

*** Cây trồng khác:** Hướng dẫn nông dân phòng trừ sâu bệnh trên cây ăn trái như: Bệnh chổi rồng hại nhãn, chôm chôm, bệnh đốm nâu thanh long, sâu bệnh hại cam quýt, xoài... theo quy trình phòng trừ của Cục BVTV đã ban hành. Đồng thời triển khai, phổ biến Quy trình quản lý tổng hợp bệnh héo vàng lá chuối theo Công văn số 173/TTBVTV-BVTV ngày 15/3/2021 của Chi cục Trồng trọt và BVTV.

- Khuyến cáo nông dân sử dụng các loại thuốc sinh học, thuốc BVTV ít độc hại trên cây trồng đảm bảo thời gian cách ly và tuân thủ nguyên tắc “4 đúng” đúng thuốc, đúng nồng độ và liều lượng, đúng lúc, đúng cách trong sử dụng thuốc BVTV./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo CC (b/c);
- Trạm TTBVTV các huyện, Tx, Tp (T/h);
- Trang Web (CC.TTBVTV);
- Lưu VT- P.BVTV (Giang-25b).

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG
PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

Vũ Thị Thanh Bình

DIỆN TÍCH, MẬT ĐỘ, TỶ LỆ VÀ PHÂN BỐ MỘT SỐ SINH VẬT GÂY HẠI CHÍNH

Từ ngày 16 tháng 03 đến hết ngày 15 tháng 04 năm 2022

Cây trồng	Tên SVGH	GĐST	Mật độ/Tỷ lệ		Diện tích nhiễm (ha)				Mất trắng	So kỳ trước	So CKNT	DT P. trừ	Phân bố
			Phổ biến	Cao	Nhẹ	TB	Nặng	Tổng		(+/-)	(+/-)		
	Nhóm cây: Cây ăn quả												
Bơ	Sâu ăn lá	ra hoa-đậu quả-hoa,	3 - 10	7 - 15	14	1	0	15	0	5.0	15.0	0	Krông Năng, TX Buôn Hồ
Cây có múi	Sâu vẽ bùa	cac giai đoạn-		20 - 25	17	8	0	25	0	0.0	25.0	12	Ea Kar
	Bệnh greening	kinh doanh-	15 - 25	45	5	3	0	8	0	2.0	8.0	6	Ea Kar
	Bệnh vàng lá, thối rễ	các giai đoạn-	10 - 20	35	5	3	0	8	0	3.0	8.0	3	Ea Kar
Sầu riêng	Rầy bông (rầy phấn, tua trắng)	Các giai đoạn sinh trưởng-phân hóa mầm hoa, ra hoa, Ra đợt non.	2 - 15	4 - 30	27	10.5	0	37.5	0	0.0	37.5	26	Ea Kar, Krông Búk, Krông Pắc, TX Buôn Hồ
	Bệnh đốm rong (Tảo)	kinh doanh-phân hóa mầm hoa, ra hoa	3 - 20	8 - 35	12	8	0	20	0	1.0	20.0	10	Ea Kar, Krông Pắc, TX Buôn Hồ
	Bệnh thán thư	các giai đoạn-Các giai đoạn	4 - 6	20 - 25	4	2	0	6	0	1.0	6.0	5	Krông Pắc
	Rầy nháy	Ra hoa-quả non	4 - 8	15	4	0	0	4	0	4.0	4.0	0	Krông Năng
	Bệnh cháy lá, chết đợt	Phân hóa mầm hoa-ra hoa-ra hoa; KTCB	3 - 7	14 - 15	2	0	0	2	0	0.0	2.0	0	Krông Năng
Vải	Rệp sáp	Cac giai đoạn-	8 - 10	15 - 25	8	4	0	12	0	5.0	12.0	6	Ea Kar
	Bệnh thán thư	qua non, xanh-cành, quả-qua non	8 - 15	20 - 30	7	3	0	10	0	2.0	10.0	7	Ea Kar
	Ruồi đục quả	Quả xanh	10	20	5	4	0	9	0	9.0	9.0	5	Ea Kar
	Sâu đục gân lá	PTTL	8	25	4	2	0	6	0	0.0	6.0	2	Ea Kar
	Bọ trĩ	lá,hoa,quả non	1	25	3	2	0	5	0	-2.0	5.0	2	Ea Kar

	Nhóm cây: Cây CN lâu năm												
Ca cao	Rệp muội (rầy mềm)	Lá, cành non-	10 - 15	25 - 30	8	6	0	14	0	-1.0	14.0	6	Ea Kar
	Bọ xít muỗi	Lá non	15	35	7	5	0	12	0	-5.0	12.0	5	Ea Kar
	Bệnh khô vỏ thân	kinh doanh-	8 - 15	25	6	2	0	8	0	2.0	8.0	4	Ea Kar
Cà phê	Rệp sáp	ra hoa,qua-Đậu quả-hoa, quả non	3 - 10	6 - 35	42	16	0	58	0	3.0	58.0	30	Ea Kar, Krông Búk, Krông Pắc, TX Buôn Hồ, Krông Năng, Cư Kuin
	Bệnh gỉ sắt	các giai đoạn-hoa, quả non	3 - 15	6 - 35	27	9	0	36	0	-11.0	36.0	12	Ea Kar, Krông Búk, TX Buôn Hồ, Krông Pắc
	Bệnh khô cành	KTCB,KD-Qua non-Đậu quả	2 - 15	4 - 25	27	5	0	32	0	0.0	32.0	12	Ea Kar, TX Buôn Hồ, Krông Búk, Cư Kuin
	Rệp vảy (xanh, nâu)	Các giai đoạn sinh trưởng-hoa, quả non-	3 - 15	8 - 30	19	9	0	28	0	-3.0	28.0	12	TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Ea Kar, Krông Năng
	Mọt đục cành	KTCB-hoa, quả non-chăm sóc, quả non	1 - 15	4 - 25	12	6	0	18	0	-9.0	18.0	9	Ea Kar, TX Buôn Hồ
	Bệnh nấm hồng	Qua non	2 - 10	5	3	1	0	4	0	0.0	4.0	4	Cư Kuin, TX Buôn Hồ
	Bọ cánh cứng ăn lá cà phê	Kiến thiết cơ bản	3 - 7	10	3	0	0	3	0	0.0	3.0	0	Krông Năng
	Sâu đục thân mình hồng	ra hoa-đậu quả; KTCB	2 - 3	5	2	0	0	2	0	0.0	2.0	0	Krông Năng
Điều	Bọ xít muỗi	Lá,chồi non,KTCB-Ra hoa	5 - 15	10 - 25	27	4	0	31	0	1.0	31.0	14	Ea Kar, Krông Búk, Cư Kuin
	Bệnh thán thư	Các giai đoạn-ra hoa, trái non	3 - 15	10 - 30	18	7	0	25	0	-20.0	25.0	13	Ea Kar, Krông Búk, Ea Súp
	Sâu đục thân, cành	các giai đoạn-	7 - 10	20	8	2	0	10	0	3.0	10.0	4	Ea Kar, Krông Pắc
Hồ tiêu	Bệnh chết chậm	kinh doanh-Thu hoạch-thu hoạch,	3 - 10	7 - 20	61	23	10	94	0	16.0	94.0	14	Buôn Đôn, Ea Kar, TX Buôn Hồ, Krông Pắc, Krông Búk, Cư Kuin
	Bệnh chết nhanh	các giai đoạn sinh trưởng	1 - 8	2 - 25	35.3	9	9	53.3	0	3.5	53.3	7	Buôn Đôn, Ea Kar, Cư M'gar, Krông Pắc, TX Buôn Hồ

	Bệnh đốm tảo	các giai đoạn sinh trưởng	15	30 - 35	13	8	0	21	0	0.0	21.0	8	Ea Kar
	Tuyến trùng	thu hoạch, chăm sóc-	6 - 8	12 - 15	5	4	0	9	0	3.0	9.0	0	TX Buôn Hồ
	Bệnh thán thư	Thu hoạch-các giai đoạn-	4 - 6	10 - 17	3	3	0	6	0	0.0	6.0	6	Krông Pắc, Cư Kuin
	Rệp sáp gốc	Thu hoạch-	5 - 7		1	0	0	1	0	-6.0	1.0	1	Cư Kuin
	Rệp sáp hại quả	Thu hoạch-	7		1	0	0	1	0	-1.0	1.0	1	Cư Kuin
Nhóm cây: Cây CN ngắn ngày													
Mía	Rệp bông xơ trắng	Các giai đoạn sinh trưởng-	10 - 15	20 - 25	17	7	0	24	0	9.0	24.0	10	Ea Kar
	Sâu đục thân	Các giai đoạn sinh trưởng-	7 - 10	15 - 18	9	5	0	14	0	3.0	14.0	6	Ea Kar
Sắn (Mì)	Khảm lá virus	Các giai đoạn sinh trưởng-cây con,	5 - 40	15 - 90	44	4	5	53	0	2.0	53.0	2	Ea Súp, Ea Kar
	Bọ phấn	Các giai đoạn sinh trưởng-	8 - 20	30	11	4	0	15	0	3.0	15.0	7	Ea Kar
Nhóm cây: Lúa													
Lúa	Bệnh bạc lá (cháy bìa)	Đòng – trổ-, chín sữa	3 - 20	10 - 30	18	9	0	27	0	0.0	27.0	15	Ea Kar, TX Buôn Hồ
	Bệnh đốm sọc VK (vàng lá, đỏ lá)	Làm đòng-trổ-	8 - 15	20 - 35	17	10	0	27	0	-3.0	27.0	17	Ea Kar, Krông Pắc
	Rầy nâu	Đòng – trổ-chín sữa, chín sấp, chín hoàn toàn	1.2 - 2000	2 - 5000	17	7	0	24	2	5.0	24.0	8	Ea Kar, Ea Súp
	Bệnh đạo ôn lá	Trổ bông, chín sữa-	2 - 15	4 - 35	16	7.5	0	23.5	0	0.0	23.5	12	Ea Kar, TX Buôn Hồ, Lắk, Cư Kuin
	Sâu đục thân (Dảnh héo)	Đòng-Trổ bông-	2 - 3	15 - 17	8	5	0	13	0	1.0	13.0	8	Ea Kar, Cư Kuin
	Sâu cuốn lá nhỏ	làm đòng, trổ, chín sữa	3 - 5	5 - 24	8	4	0	12	0	0.0	12.0	4	TX Buôn Hồ, Krông Pắc
	Bệnh khô vằn	trổ, chín sữa-chín sấp- chín hoàn toàn	5 - 10	10 - 20	2	8	0	10	0	0.0	10.0	0	Ea Súp, TP Buôn Ma Thuột

	Bệnh đạo ôn cổ bông	trở bông, chín chín sấp, chín hoàn toàn	3 - 5	5 - 20	3.5	0	0	3.5	0	3.5	3.5	2.5	Lắk, Ea Súp
	Nhện gié	Trở bông-	5 - 10		3	0	0	3	0	3.0	3.0	3	Cư Kuin
	Sâu đục thân (bông bạc)	Vào chắc	3 - 5		3	0	0	3	0	3.0	3.0	3	Cư Kuin
	Bọ xít dài (hôi)	Vào chắc	5 - 6		2	0	0	2	0	2.0	2.0	0	Cư Kuin
	Rầy nâu, RLT (trứng)	chín sủa, chín sấp, chín hoàn toàn	20 - 50	1000 - 2000	2	0	0	2	0	0.0	2.0	0	Ea Súp
	Tuyến trùng khô đầu lá	Trở bông-	10 - 15		2	0	0	2	0	0.0	2.0	2	Cư Kuin
	Nhóm cây: Rau màu												
Hành tỏi	Bệnh thối nhũn	Cay con	5 - 7		2	0	0	2	0	0.0	2.0	2	Cư Kuin
Ớt	Bệnh khảm lá VR	các giai đoạn-	7 - 10	15	3	2	0	5	0	0.0	5.0	2	Ea Kar
	Bệnh thán thư	qua non-	8 - 15	20 - 25	3	1.6	0	4.6	0	0.1	4.6	4	Ea Kar
Rau cải ăn lá	Sâu tơ	các giai đoạn-	2 - 25	4 - 35	4	2.3	0	6.3	0	0.8	6.3	5	Ea Kar, TX Buôn Hồ
	Sâu xanh bướm trắng	Các giai đoạn sinh trưởng-	6 - 8	10 - 15	2	2	0	4	0	0.0	4.0	4	Ea Kar
	Bọ trĩ	Caay con	7 - 10		2	0	0	2	0	0.0	2.0	2	Cư Kuin
	Bọ nhảy	các giai đoạn	4	6	0.5	0	0	0.5	0	0.0	0.5	0	TX Buôn Hồ
Rau cải bắp	Sâu khoang	cây con	5 - 6		2	0	0	2	0	2.0	2.0	0	Cư Kuin
	Bệnh thối nhũn	cay con	3 - 5		1	0	0	1	0	1.0	1.0	0	Cư Kuin